

BIẾN THỂ CÚ PHÁP TÌNH LƯỢC THÀNH TỔ TỪ GÓC NHÌN CHỨC NĂNG

Dương Xuân Quang*

Tình lược là một hiện tượng đã được nhiều nhà nghiên cứu Việt ngữ học quan tâm, nhưng những nghiên cứu về tình lược trong tiếng Việt chủ yếu chọn điểm nhìn từ bình diện cấu trúc hình thức. Theo chúng tôi, tình lược là một dạng biến thể cú pháp của câu tiếng Việt. Chúng được hình thành do chịu tác động của các chức năng cụ thể: chức năng nhấn mạnh thông tin quan trọng, chức năng biểu lộ thái độ của người nói, chức năng duy trì mạch lạc trong chuỗi phát ngôn. Bài viết này sẽ bàn thêm về hiện tượng tình lược qua việc lý giải chúng từ bình diện chức năng.

Từ khóa: *Biến thể cú pháp, tình lược, chức năng.*

Ellipsis is a phenomenon that has many linguists interested in Vietnamese language. However, Vietnamese linguists research ellipsis from structural and formal perspective. In our opinion, an ellipsis is a syntactic variant. This variant is affected by functions, as: emphasizing important information (focus), expressing the attitude of the speaker, and maintaining coherence of utterances in discourse. This article will discuss this phenomenon by explanation them from functional perspective.

Key words: *Syntactic variant, Ellipsis, Function.*

1. Dẫn nhập

Tình lược (Ellipsis) là một hiện tượng ngôn ngữ mà một ngữ đoạn vốn thuộc phát ngôn được/bị lược bỏ nhưng không làm mất đi nội dung cần truyền đạt của thông điệp. Trong Việt ngữ học, hiện tượng này được một số tác giả luận bàn theo những lăng kính tiếp cận khác nhau. Hoàng Trọng Phiến (1980), Nguyễn Minh Thuyết (1998) và tiêu biểu là Nguyễn Kim Thản (1997) tách phát ngôn khỏi ngữ cảnh, đơn thuần xem xét chúng từ thành phần cấu tạo mà xếp chúng thành phát ngôn hoàn chỉnh hay không hoàn chỉnh. Chịu ảnh hưởng từ Halliday & Hasan (1976),

Diệp Quang Ban (1998) căn cứ vào đặc trưng từ loại của phần tình lược với quan niệm mỗi nhóm từ có khả năng đảm nhiệm chức năng cú pháp khác nhau để phân loại các phát ngôn tình lược, hướng tới phân tích sự liên kết của văn bản. Cao Xuân Hạo lại cho rằng: “đó (tình lược) là một phép thay thế một ngữ đoạn bằng đại từ hồi chỉ zero” [C.X.Hạo 2005 (1991); 367]. Với quan niệm về “tình lược liên kết”, Trần Ngọc Thêm (1985; 1999) là người có những nghiên cứu về phép tình lược đặt trong khung nghiên cứu ngữ pháp văn bản với nội dung về “tình lược mạnh” để phân tích “ngữ trực thuộc”. Trong phân loại các phát ngôn đơn phần tiếng Việt, Phan Mậu Cảnh (1996) cũng có khảo sát các phát ngôn tình lược đặt trong những liên quan với hoàn cảnh sử dụng. Phạm

* ThS., Khoa Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn - ĐHQG HN

Email: dxquang1111@gmail.com

Văn Tinh (2002) cung cấp một bức tranh miêu tả tổng quát về các phát ngôn tỉnh lược nhằm xác định các hiện tượng tỉnh lược chủ ngữ, tỉnh lược vị ngữ và tỉnh lược cả chủ ngữ, vị ngữ. Tiếp tục các nghiên cứu đi trước, bài viết muốn xem xét các phát ngôn tỉnh lược như những biến thể của một hằng thể câu hoàn chỉnh từ góc nhìn chức năng.

Nhằm bổ khuyết cho Cấu trúc luận, song hành phát triển để cùng phản biện với Tạo sinh luận, Chức năng luận trở lại quan tâm tới mặt “phương tiện giao tiếp của ngôn ngữ”. Tôn vinh ngôn ngữ trong hoạt động hành chức, trào lưu này có nguồn gốc khởi đầu từ trường phái cấu trúc - chức năng Praha. Một trong những quan điểm cơ bản của trường phái Praha là nghiên cứu cấu trúc hệ thống đặt trong mối quan hệ với chức năng của ngôn ngữ. Từ góc nhìn của chức năng, mà bao quát là chức năng giao tiếp, N. Trubetzkoy và tiếp theo đó là người cộng sự R. Jakobson đã đưa ra những khái niệm mới dựa trên nền tảng đối lập giữa ngôn ngữ trừu tượng và lời nói hiện thực về biến thể âm vị (allophone), biến thể hình vị (allomorph). Ở địa hạt nghiên cứu cú pháp, với quan niệm phân biệt các phối cảnh chức năng của câu với cấu trúc cú pháp của câu, hiện tượng nhiều hình thức biểu hiện của cùng một nội dung sự tình cũng được nhắc tới ở những ví dụ phân tích dựa trên cơ sở nền tảng của nguyên lý về phân đoạn thực tại trong các công trình của V. Mathesius, J. Firbas và F. Daneš. Từ những nội dung về biến thể ở cấp độ ngữ âm-âm vị học và hình thái học, K. Lambrecht (1994) đã xem xét biến thể của câu (allosentence),

kế thừa những ý tưởng của F. Daneš (1964). Lambrecht cho rằng: “(biến thể của câu) là các biểu hiện bề mặt của một mệnh đề tương đương nhau về ngữ nghĩa nhưng khác nhau về mặt hình thức và dụng học” [K. Lambrecht 1994; 54]. Cụ thể hơn, theo chúng tôi, biến thể cú pháp của câu là những phát ngôn có chung một cấu trúc và hình thức cú pháp, cùng biểu hiện một sự tình nhưng khác nhau về hình thức biểu hiện bề mặt do chịu tác động từ những nội dung dụng học khác nhau. Do vậy, những phát ngôn tỉnh lược, xét về bản chất cũng chỉ là những biến thể cú pháp của một câu hoàn chỉnh vốn có đầy đủ các thành phần cú pháp. Bài viết nhỏ này sẽ hướng tới việc lý giải nguyên nhân khởi sinh của những biến thể cú pháp tỉnh lược thành tố trong tiếng Việt, từ quan niệm của chức năng luận – coi ngữ pháp không phải là một tập hợp các quy tắc mà là những lựa chọn của người bản ngữ và phụ thuộc từng ngữ cảnh khác nhau với những chức năng cụ thể tác động để hiện diện.

2. Một số chức năng tác động tới các biến thể tỉnh lược thành tố

2.1. Chức năng nhấn mạnh

Các nhà ngôn ngữ học đều thừa nhận nhấn mạnh là một hiện tượng phổ biến trong ngôn ngữ nhưng cũng là một hiện tượng đa dạng về hình thức và phong phú về nội dung. Từ hướng tiếp cận dụng học, Lê Đông – Hùng Việt cho rằng: “Đó là kiểu hành vi có chủ đích của người nói sử dụng các phương tiện khác nhau để nêu bật những phân đoạn thông tin quan trọng, đáng lưu ý trong văn bản, nhờ đó hướng

dẫn người nhận đánh giá đúng vai trò của những thông tin đó.” [Lê Đông – Hùng Việt 1995; 13]. Ở các biến thể cú pháp tỉnh lược thành tổ (biến thể tỉnh lược), chức năng nhấn mạnh gắn bó chặt chẽ với cấu trúc thông tin bởi những phát ngôn biến thể đó lược bỏ những thông tin rườm rà gây nhiễu và chỉ giữ lại những thông tin tiêu điểm mà người nghe muốn biết, người nói muốn nhấn mạnh.

2.1.1. Trong ngữ cảnh giao tiếp mà cụ thể là những đoạn đối thoại hỏi - đáp, đa phần các phát ngôn biến thể tỉnh lược thường xuất hiện sau những phát ngôn đã cung cấp đầy đủ thông tin cơ sở. Vì vậy, những phát ngôn ở lời đáp không nhắc lại những thông tin đã biết, đã được người tham gia hội thoại chia sẻ cùng nhau mà chỉ cần tập trung chú ý vào những thông tin mới, những tiêu điểm mà người nghe muốn biết. Việc lược bỏ tất cả những thông tin không quan yếu mà giữ lại những thông tin tiêu điểm chính là một hình thức nhấn mạnh mà người nói chủ đích hướng tới người nghe.

Trước tiên là những phát ngôn biến thể có tiêu điểm là vị từ (Predicate). Vị từ trong nghĩa sự tình được ánh xạ qua cấu trúc cú pháp (tương ứng với vị ngữ của thành phần câu) và luôn là thành phần quan trọng mang nội dung tiêu điểm ở cấu trúc thông tin bởi tính thuyết định, diễn giải cho các chủ thể, những nội dung thường đã được nhắc tới trước đó. Trong tiếng Việt, một số biến thể tỉnh lược chủ ngữ, bổ ngữ cũng như các thành phần phụ khác mà chỉ giữ lại vị ngữ, như ví dụ sau:

Ví dụ 1: Cô Nga có còn hay đi nhặt hoàng lan rơi nữa không?

Vẫn nhặt đấy.

(Thạch Lam, Dưới bóng hoàng lan)

Ở lời đáp trong ví dụ 1, thông tin về chủ thể hành động “cô Nga” và đối thể “hoàng lan rơi” của hành động “nhặt” đều đã được các bên tham gia giao tiếp xác định rõ thông qua phát ngôn hỏi. Vì vậy những nội dung đã biết không gánh vác giá trị nội dung trong phát ngôn hỏi đáp này, mà vị ngữ “vẫn nhặt”, với vai trò làm tiêu điểm của cấu trúc thông tin nên được lưu giữ như một nội dung người nói muốn nhấn mạnh trong khi các nội dung thông tin khác bị lược bớt đi.

Ở một số trường hợp khác, tiêu điểm của phát ngôn mở rộng vượt khỏi phạm vi của vị ngữ mà bao gồm thêm một vài diễn tố khác.

Ví dụ 2: Xuyên à, thằng Xăng đi mò rồi hê? - Ông tau giết rồi.

(Nguyễn Ngọc, Đất Quảng)

Ví dụ 2 là phát ngôn biến thể mà bổ ngữ “thằng Xăng” bị lược bỏ. Phần thông tin mới “Ông tau giết rồi.” đáp ứng được nhu cầu cần biết về đối tượng “thằng Xăng” mà người hỏi muốn biết và trở thành tiêu điểm của thông báo. Người nói vẫn có thể dùng một phát ngôn đầy đủ “Ông tau giết thằng Xăng rồi.” nhưng để nhấn mạnh tiêu điểm, việc lược bỏ thông tin đã biết “thằng Xăng” đã tránh được những phân tán chú ý trong cuộc hội thoại.

Ở một trường hợp khác, tiêu điểm của phát ngôn chỉ là một phần của vị ngữ, thường là những hư từ phản ánh ý nghĩa tình thái (có thể chủ quan hoặc khách quan) gắn kết với nội dung ngữ nghĩa của vị từ chính.

Ví dụ 3: Minh đã thổi cơm chưa? - Đã.

(Khái Hưng, Anh phải sống)

Biến thể ở ví dụ 3 chỉ gồm một phụ từ “Đã” nhưng đủ để đại diện cho một phát ngôn hoàn chỉnh “Tôi đã thổi cơm rồi”. Biến thể này lược bớt tất cả các thành phần từ chủ ngữ đến bổ ngữ, thậm chí cả vị từ trung tâm “nấu” cũng không nhất thiết cần tồn tại bởi các thành phần chính là những thông tin cơ sở, đã được người nói và người nghe chia sẻ. Phát ngôn hỏi đáp chỉ muốn nhấn mạnh tới nội dung tình thái khách quan đã xảy ra của sự việc, bởi vậy chỉ lưu giữ tiêu điểm “Đã” cũng đủ để người nghe thỏa mãn thông tin cần biết.

Ngoài đa số những phát ngôn có tiêu điểm là vị từ, một số phát ngôn có tiêu điểm mà người nói muốn nhấn mạnh là những diễn tố, do vậy, tiếng Việt tồn tại những biến thể có thể lược đi phần vị ngữ. Những diễn tố này có vai trò như những tham thể bổ sung trọn vẹn ý nghĩa sự tình cho vị từ. Ở những phát ngôn thông thường, những tham thể (chủ thể hoặc đối thể và tiếp thể) thường sẽ là những thành phần có vai trò nối kết giữa các phát ngôn với nhau nhằm duy trì chủ đề do chúng luôn có quy chiếu tới những sở chỉ rõ ràng để đảm nhiệm vai trò chủ đề của chuỗi phát ngôn. Song ở một số hội thoại, đặc biệt là hội thoại hỏi - đáp, cấu trúc thông tin đã sắp xếp để tiêu điểm thông tin trùng với những diễn tố của cấu trúc nghĩa sâu, đồng thời tương ứng với các thành phần chủ ngữ hoặc bổ ngữ của cấu trúc ngữ pháp.

Ví dụ 4: Ai xay thóc nhờ đây mẹ? - Một người lạ.

(Nguyễn Ngọc, Pồn)

Chủ ngữ “một người lạ” là thông tin mà người nói muốn nhấn mạnh để trả lời người nghe. Câu hỏi hướng đến nội dung chưa biết là chủ thể ai đã thực hiện hành động “xay thóc nhờ”. Vì vậy, việc lược bỏ vị ngữ để làm nổi bật tiêu điểm chủ thể “một người lạ” nhằm để đảm bảo chức năng nhấn mạnh thông tin của dụng học.

Bên cạnh những thành phần quan trọng của nghĩa sự tình như Vị ngữ và Diễn tố, Chu tố vốn là những thành phần phụ nêu lên bối cảnh ở nhiều phát ngôn cũng có thể trở thành tiêu điểm.

Ví dụ 5: Bao giờ chôn Tuấn? - Chiều nay.

(Nguyễn Ngọc, Đất nước đứng lên)

Ví dụ 5 cũng là một lời hỏi đáp câu hỏi đã có đầy đủ các thông tin về chủ thể, đối thể cũng như hành động nhưng vì tiêu điểm hỏi hướng tới nội dung thời gian “Bao giờ” nên ở phát ngôn biến thể người nói chỉ cần “Chiều nay” cũng đủ để nhấn mạnh tiêu điểm, thỏa mãn nhu cầu thông tin của người hỏi.

2.1.2. Những biến thể mà thành phần tình lược thường là chủ thể hoặc đối thể phiếm chỉ cũng không ngoài mục đích lược bỏ đi những thông tin đã biết, gây rườm rà tập trung sự chú ý vào những thông tin mới, những thông tin quan trọng được truyền đạt.

Chủ thể phiếm chỉ được tình lược thường xuất hiện ở những lời hô gọi. Những chủ thể này thường không có sở chỉ xác định mà hướng tới toàn thể mọi người tiếp nhận được phát ngôn. Nhưng tiêu điểm của những phát ngôn hô gọi không nằm ở chủ thể mà nằm ở hành động. Người nói muốn nhấn mạnh vào hành

động được nhắc tới, kêu gọi mọi người tiếp nhận được phát ngôn thực hiện hành động ấy.

Ví dụ 6: Bắt lấy thằng ăn cắp!

(Nguyễn Công Hoan, Thằng ăn cắp)

Ngữ cảnh giao tiếp thực sự cũng là một nhân tố quan trọng góp phần xác định tiêu điểm mà người nói muốn nhấn mạnh trong những phát ngôn biến thể tình lược. Ở những biến thể mà ngữ cảnh và vai giao tiếp đã xác định rõ được chủ thể và đối thể thì vị ngữ thể hiện hành động được chọn làm tiêu điểm thông tin sẽ được làm nổi bật hơn những thành phần khác.

Ví dụ 7: Chú thách chứ? - Thách đấy.

(Nguyễn Hồng, Bỉ vỏ)

Vị ngữ “Thách đấy” của ví dụ 7 trở thành một thông tin được nhấn mạnh, do sự tồn tại còn lại duy nhất của nó ở phát ngôn, giữa những thành phần chủ ngữ và bổ ngữ vắng mặt do đã được xác định qua ngữ cảnh.

2.1.3. Những chuỗi phát ngôn liên tục khi xuất hiện trong tiếng Việt cũng tạo điều kiện để hình thành những biến thể. Các phát ngôn sau một phát ngôn hoàn chỉnh có thể tình lược những phần thông tin đã được nhắc tới trước đó, đồng thời cũng để nhấn mạnh những nội dung thông tin mới được xác định như những tiêu điểm.

Ví dụ 8: Ai nấy đều lăn ra ngủ mê mết. Người thì trên phản, kẻ thì dưới đất.

(Dẫn theo C.X.Hạo 2005; 368)

Ở ví dụ 8, vị ngữ “ngủ” được tình lược để phát ngôn tập trung nhấn mạnh vào sự tương phản giữa hai địa điểm là “trên phản” và “dưới đất”. Tiêu điểm của phát

ngôn được lựa chọn là hai nội dung tương phản ấy chứ không phải hành động hay chủ thể của hành động.

Ngoài nhằm nhấn mạnh các thông tin tương phản, ở những chuỗi phát ngôn liên tục, những biến thể mang phong cách khẩu ngữ cũng có thể tình lược những thông tin đã được nhắc tới ở những phát ngôn trước để định hướng tập trung chú ý vào những nội dung thông tin mới như ở ví dụ sau:

Ví dụ 9: Rồi Bé nắm gáy tôi. Ném vào lòng.

(Tô Hoài, Dế mèn phiêu lưu ký)

“Ném vào lòng” là nội dung được cấu trúc thông tin của phát ngôn xác định là tiêu điểm nhằm nhấn mạnh, tiếp theo hành động “nắm gáy” nhân vật tôi (con Dế mèn) của nhân vật Bé. “Tôi” và “Bé” là những nội dung cơ sở đã được biết ở phát ngôn trước nên không còn quan trọng ở phát ngôn sau, do vậy việc tình lược giúp cho thông tin mới “Ném vào lòng” được xác định rõ ràng hơn trong nhận thức của người tiếp nhận.

Chức năng nhấn mạnh là một động lực quan trọng đối với việc hình thành các biến thể tình lược, bởi nhấn mạnh những thông tin tiêu điểm sẽ tạo nên một hiệu ứng về một thông tin ngắn gọn nhưng rõ ràng, để tác động tập trung và gây chú ý tức thì tới sự tiếp nhận của người nghe, điều mà người nói luôn muốn thực hiện trong chiến lược giao tiếp của mình.

2.2. Chức năng mạch lạc

Nếu nội hàm của khái niệm “liên kết” thiên về sự nối kết các phát ngôn ở bình diện hình thức thì “mạch lạc” chú ý nhiều

hơn tới khía cạnh nội dung. Việc sắp xếp các phát ngôn nối tiếp nhau trên cơ sở nội dung ngữ nghĩa, đặc biệt thông qua trường liên tưởng về một chủ đề, thuộc về mạch lạc. Theo Cao Xuân Hạo, tác dụng chủ yếu của hiện tượng tỉnh lược “là thực hiện tính mạch lạc trong câu và trong một tổ hợp câu” [C.X.Hạo 2005 (1991); 367]. Bởi như Trần Ngọc Thêm (1985) và Diệp Quang Ban (1998) đều chia sẻ, phép tỉnh lược là một phương tiện liên kết nội dung bằng một chủ đề được duy trì. Việc tỉnh lược một thành phần nào đó buộc phát ngôn lệ thuộc hơn vào những phát ngôn xung quanh. Sự lệ thuộc ấy là hình thức, còn nội dung là một sự bảo toàn chủ đề chung ngầm định đã được nhắc tới trước đó.

Ví dụ 10: Anh này hiểu ý, ra hiên đứng nhìn, rồi đến cạnh cụ, cúi xuống nhặt... Rồi thu thu vào trong bọc, rồi len lén ra ngoài ao. Rồi giơ thẳng cánh tay, ném xuống nước đánh tôm...

(Nguyễn Công Hoan, Cụ chánh Bá mất đôi giày)

Cao Xuân Hạo (1991), Diệp Quang Ban (1998) và ở một chừng mực nào đó Trần Ngọc Thêm (1985) đều chấp nhận tỉnh lược như là sự thay thế một ngữ đoạn đã được nhắc tới trước đó bằng một chỗ trống (Cao Xuân Hạo định danh là “đại từ hồi chỉ zero”), nhằm tránh lặp lại ngữ đoạn liên tục gây nhàm chán hoặc gây lẫn lộn với một dụng ý nhấn mạnh nào khác. Phát ngôn biến thể ở ví dụ này tỉnh lược chủ ngữ nhưng chính vì vậy mà sự nối kết với chủ ngữ mang chủ ngữ là chặt chẽ để chủ đề của chuỗi phát ngôn được xuyên suốt mà duy trì sự mạch lạc giữa chúng.

Ví dụ 11: Tiếng hát ngừng. Cả tiếng cười.
(Nam Cao, Sóng mòn)

Trường hợp biến thể cú pháp tỉnh lược vị ngữ cũng tương tự như với biến thể cú pháp tỉnh lược chủ ngữ, chỉ khác biệt ở chỗ chủ đề của loại biến thể tỉnh lược này không nằm ở chủ thể hành động mà ở chính nội dung hành động. Ở ví dụ 11, chủ đề xuyên suốt chuỗi phát ngôn là “ngừng”. Đầu tiên là chủ thể “tiếng hát” ở chủ ngữ rồi đến chủ thể “tiếng cười” ở lược ngữ.

Ví dụ 12: Bố viết thư ngay cho mẹ để mẹ biết tin. Rồi con sẽ viết sau.

(Bùi Hiền, Tuyển tập)

Bỏ ngữ của phát ngôn sau bị lược bỏ nhưng bất kỳ người tiếp nhận là ai cũng đều có thể khôi phục lại đối thể cũng như tiếp thể của hành động viết từ chủ thể người con. Nguyên do bởi ở phát ngôn trước đã tồn tại rõ ràng cả đối thể “thư” và tiếp thể “(cho) mẹ” như một sự minh định chủ đề của chuỗi phát ngôn. Việc tỉnh lược ở phát ngôn sau kéo theo sự lệ thuộc vào phát ngôn trước không nằm ngoài tác dụng đảm bảo chức năng mạch lạc.

Ví dụ 13: Rồi Bé nắm gáy tôi. Ném vào lòng.

(Tô Hoài, Dế mèn phiêu lưu ký)

Ở các biến thể cú pháp tỉnh lược nhiều thành phần, chức năng mạch lạc chủ yếu thể hiện rõ ở biến thể tỉnh lược chủ ngữ và bỏ ngữ. Với ví dụ 13 mà chủ ngữ đã xác định chủ thể và đối thể như chủ đề duy trì mạch lạc. Phát ngôn thứ hai thể hiện hành động “ném vào lòng” tiếp nối hành động “nắm gáy” ở phát ngôn trước.

Các ví dụ được dẫn trên đây là những liên kết song song. Việc duy trì chủ đề của chuỗi phát ngôn được thực hiện bằng các thành phần cùng quy chiếu tới một sở chỉ và cùng mang một chức năng cú pháp (là chủ ngữ) liên tiếp trong suốt chuỗi phát ngôn. Tiếp theo là ví dụ về liên kết móc xích. Loại liên kết này đảm bảo sự mạch lạc của chủ đề toàn chuỗi phát ngôn thông qua những đồng sở chỉ ở những thành phần mang chức năng cú pháp khác nhau ở những phát ngôn liên tiếp nhau.

Ví dụ 14: Nhờ ánh đèn con để ở đầu chái, tôi nhận ra một con dao nhọn. Thử dao chọc tiết lợn.

(Nam Cao, Quái dị)

Ở ví dụ này, chủ đề được chuyển di từ bỏ ngữ ở phát ngôn trước đến chủ ngữ ở phát ngôn sau vì vậy mà được xếp vào loại liên kết móc xích. Đây là phương thức liên kết khá phổ biến. Phần kết thúc ở phát ngôn trước là phần mở đầu của phát ngôn sau trở thành mạch phát triển chủ đề của chuỗi phát ngôn. Tuy chủ ngữ ở phát ngôn sau bị lược bỏ nhưng chính vì sự lược bỏ đó mà phát ngôn ấy càng gắn kết với phát ngôn trước chặt chẽ hơn. Người tiếp nhận sẽ tức khắc hiểu “thử dao chọc tiết lợn” chỉ có thể là “con dao nhọn” vừa được nhắc tới phía trước.

Tuy nhiên, có một lưu ý thêm rằng liên kết móc xích khó có thể xuất hiện ở biến thể tỉnh lược vị từ. Vì biến thể tỉnh lược vị ngữ luôn xác lập một chủ đề cho tính mạch lạc là nội dung hành động. Do đó, thành phần tỉnh lược ở phát ngôn tỉnh lược cũng yêu cầu phải chính là nội dung hành động đó đảm nhiệm chức năng vị ngữ.

Điều đó dễ thấy rằng không thể có sự luân phiên, thay đổi chức năng cú pháp nào được thực hiện trong các biến thể tỉnh lược vị ngữ như trường hợp đối tượng chịu tác động ở phát ngôn trước chuyển thành chủ thể thực hiện hành động ở phát ngôn sau hay ngược lại, luân phiên đảm nhiệm sự phát triển chủ đề như ở những biến thể tỉnh lược chủ ngữ và bỏ ngữ.

Những thành phần bị tỉnh lược không phải chỉ là những thành phần dư thừa, gây rườm rà, được tỉnh lược cho tiết kiệm, mà có lẽ còn là những nhân tố góp phần duy trì mạch lạc, thúc đẩy nối kết của chuỗi phát ngôn. Chức năng mạch lạc thực chất là nhu cầu xác lập một chủ đề nội dung xuyên suốt toàn chuỗi phát ngôn. Biến thể cú pháp tỉnh lược thành tố dù lược bỏ một vài thành phần nào đó nhưng chính sự lược bỏ lại ngầm định xác nhận những thành phần ấy là những thành phần được duy trì, nối kết với những phát ngôn trước đó, do nhắc lại những đồng sở chỉ phía trước.

2.3. Chức năng biểu thái

Trong nghi thức giao tiếp của văn hóa Việt, đôi khi “nói trống không” bị coi là bày tỏ một thái độ thiếu lịch sự, không chuẩn mực. “Nói trống không” chính là cách nói “dân gian” – “phi ngôn ngữ học” của những phát ngôn tỉnh lược, mà chủ yếu là tỉnh lược chủ ngữ chỉ ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ hai thông qua ngữ cảnh đối thoại trực diện. Những biến thể này, ở một vài trường hợp cụ thể nhằm biểu lộ thái độ chủ quan của người nói nên được biểu hiện bằng việc lược bớt những thành phần không quá quan trọng (đại từ nhân xưng,

nội dung thông tin đã biết trước đó, v.v.), giúp phát ngôn trở nên đanh gọn, phục vụ những hàm ý kèm theo những biểu thức hiển ngôn.

2.3.1. Trước tiên, các biến thể tình lược thường được dùng thể hiện một thái độ thiếu tôn trọng, mà văn hóa của người Việt gọi là “xác”, là “hỗn”, là “nói xằng”, v.v..

Ví dụ 15: Thong thả. Hãy ngồi đấy! Để cho người ta ăn xong cái đã. Đừng quấy rầy!

(Ngô Tất Tố, Tắt đèn)

Ở ví dụ 15, bà Nghị muốn thể hiện một thái độ của bề trên, coi thường người nghe nên đã dùng một chuỗi những phát ngôn tình lược chủ ngữ. Về hình thức, do ngữ cảnh đối thoại trực tiếp nên người nghe hiểu rằng chủ thể của những hành động được nhắc tới trong những phát ngôn tình lược này là mình và dễ dàng khôi phục chủ ngữ cho những phát ngôn ấy – “Mày”. Còn về chức năng, bên cạnh chức năng nhấn mạnh những tiêu điểm là những hành động mà bà Nghị muốn người nghe tiếp nhận ngay tức khắc, còn có chức năng biểu lộ cho người nghe biết thái độ coi khinh của người nói.

Một ví dụ khác để thấy rõ ràng hơn thái độ của người nói được lồng ghép thể hiện qua những biến thể tình lược là rất phổ biến:

Ví dụ 16: ... Nhưng vừa đến Huế hôm trước thì hôm sau viên công sứ Labbé triệu anh đến hỏi:

Trở lại làm gì? - Làm báo.

(Hồng Cư, Đại tướng Võ Nguyên Giáp thời trẻ)

Ví dụ này cho thấy, địa vị của người nói không cao hơn người nghe như ở 15, nhưng để thể hiện thái độ khinh bỉ, coi thường và bất hợp tác mà người nói (một chiến sĩ hoạt động cách mạng đang bị bắt), dù có địa vị thấp hơn vẫn có thể dùng phát ngôn biến thể tình lược. Khi cần bộc lộ thái độ thiếu tôn trọng người nghe, người nói dù thể hiện ngôi thứ nhất (tự xưng) hay ngôi thứ hai (chỉ người đối thoại), dù địa vị cao hơn hay thấp hơn người nghe, đều có thể sử dụng biến thể cú pháp tình lược.

Chúng ta tiếp tục so sánh ví dụ tiếp theo để thấy rõ hơn chức năng biểu thái tác động mạnh tới biến thể tình lược như thế nào:

Ví dụ 17: a. Em chào bác (a)!

b. Chào bác!

Ví dụ, 17a với phát ngôn mang đầy đủ thành phần, kết hợp kính ngữ “a” được sử dụng trong những ngữ cảnh lịch sự, cần tôn trọng người tiếp nhận thông tin. Sẽ là thiếu lịch sự, thậm chí là bất kính với người trên nếu người nói sử dụng phát ngôn biến thể tình lược 17b ở trường hợp này. Tuy nhiên, biến thể tình lược 17b “Chào bác!” vẫn có thể được chấp nhận sử dụng, nếu người nói muốn ngầm ẩn một thái độ gần gũi, thân mật.

2.3.2. Ở một số ngữ cảnh giao tiếp thường nhật, người nói lựa chọn các biến thể tình lược nhằm thể hiện sự thân mật trong mối quan hệ giữa những người tham gia hội thoại.

Ví dụ 18: a. Đi cùng anh nhé!

b. Em đi với anh nhé!

(Ngữ liệu đời sống)

Ví dụ 19: a. Nghỉ thôi!

b. Chúng ta nghỉ thôi!

(Ngữ liệu đời sống)

Ví dụ 20: a. Ăn thêm vào!

b1. Con ăn thêm vào! /

b2. Cậu ăn thêm vào (cho khỏe)! /

b3. Ông bà ăn thêm vào! Mời. Xin mời ông bà!

Cả ba ví dụ trên đều hoàn toàn khả chấp đối với người Việt. Thông thường, để sử dụng những biến thể tình lược này, bối cảnh yêu cầu người tham gia giao tiếp phải có một mối quan hệ gần gũi nào đó, dù là tạm thời. Ví dụ 18 là cuộc trao đổi của hai người yêu nhau vì vậy họ không cần thiết phải lịch sự sử dụng chủ ngữ hoàn chỉnh, gây nên khoảng cách khách sáo. Còn ở 19 là một lời hô hào nghỉ ngơi của một người trong một nhóm, tiền giả định đang cùng làm việc với nhau. Họ cũng có một mối quan hệ gần gũi, dù có thể chỉ là tức thời trong hoàn cảnh hiện tại cùng làm việc. Ví dụ 20 có thể là một lời nhắc nhở của mẹ với con, một lời khuyên bảo của bạn lo cho sức khỏe của bạn hay một lời mời chào của chủ quán với khách hàng. Mức độ của sự thân mật có thể bao quát từ rất bền chặt như mẹ với con đến thân thiết tạm thời trong khoảng thời gian khách vào quán nhưng nếu không nói kết được một sợi dây trao đổi thân thiết, người nói sẽ không thể sử dụng biến thể tình lược chủ ngữ. Chức năng biểu lộ thái độ thân mật tác động tới quyết định có thể tình lược hoặc không thể của các phát ngôn biến thể.

Ví dụ 21:

a. Cậu đang làm gì đấy? - Đọc sách.

b. Cậu đang làm gì đấy? - Tôi đọc sách.

Người nói sẽ không thể sử dụng biến thể tình lược ở 21a nếu hai người tham gia giao tiếp chưa quen biết, chưa thiết lập được một mối quan hệ thân mật, gần gũi. Trong trường hợp không quen, hoặc mới quen, 21b với cấu trúc cú pháp đầy đủ các thành phần là một lựa chọn thích hợp hơn, nhằm đảm bảo sự tôn trọng, tính thể diện trong giao tiếp.

Nhưng đôi khi chức năng biểu lộ thái độ thân mật tác động tới phát ngôn biến thể lại kết hợp cùng một số yếu tố thuộc về chức năng xã hội của ngôn ngữ, ví dụ như tôn ty, địa vị. Chẳng hạn như một bậc trưởng thượng trong gia đình, dù cho lịch sự muốn mời cơm cả gia đình trước bữa ăn sẽ dùng phát ngôn nào:

Ví dụ 22: a. Mời cả nhà ăn cơm.

b. Tôi mời cả nhà ăn cơm.

Phát ngôn 22a với việc tình lược chủ ngữ là lựa chọn của người Việt, thay vì một phát ngôn đầy đủ thành phần. Tuy phát ngôn 22b là lịch sự hơn, trang trọng hơn nhưng lại không thể hiện được chức năng biểu đạt tính thân mật trong giao tiếp của gia đình. Do vậy, người Việt coi rằng phát ngôn “Tôi mời cả nhà ăn cơm” là không tự nhiên.

2.3.3. Ngoài thái độ thiếu tôn trọng và thái độ thân mật, các biến thể tình lược còn chịu tác động của chức năng biểu thái để thể hiện sự gay gắt của tâm lý, tính khẩn cấp của sự tình ở những phát ngôn mang mục đích cầu khiến.

Ví dụ 23: a. Nhắm thẳng! Bắn!

b. Các đồng chí nhắm thẳng mục tiêu!
Các đồng chí bắn!

Trong trường hợp cần những phát ngôn ngắn gọn, chính xác, việc rút gọn tối đa những phần dư của phát ngôn là hữu ích. Chủ ngữ có thể được hiểu qua ngữ cảnh vì vậy phần dư có thể gây rườm rà. Biến thể 23a với duy nhất một từ đảm nhiệm chức năng vị ngữ là sự lựa chọn hợp lý để thể hiện một mệnh lệnh khẩn cấp, ngầm ẩn một thái độ quyết liệt, dứt khoát của người nói.

Ví dụ 24:

- a. Không giẫm lên cỏ.
- b. Các con không giẫm lên cỏ.

Các phụ từ mệnh lệnh “Hãy, đừng, không, v.v.” thường mở đầu những mệnh lệnh mang mục đích cầu khiến người nghe thực hiện theo nội dung truyền đạt. Tính tác động của những phát ngôn cầu khiến này rất mạnh. Tuy nhiên, ở ví dụ 24b khi bổ sung chủ ngữ vào trước phát ngôn cầu khiến vốn tinh lược thì tính gay gắt của lệnh cầu khiến giảm đi. Điều này cho thấy, phương thức tinh lược trong cấu tạo các biến thể cú pháp góp phần không nhỏ thể hiện chức năng biểu lộ thái độ gay gắt của các phát ngôn cầu khiến.

Bên cạnh đó, nhóm phát ngôn cầu khiến có thể chia thành hai tiểu nhóm chính: yêu cầu (cầu) và mệnh lệnh (khiến). Tiểu nhóm yêu cầu thường thiên về thuyết phục, thỉnh mời, nhờ vả, v.v. nên bớt gay gắt, bớt khẩn cấp, bớt tương tác mạnh hơn tiểu nhóm mệnh lệnh. Bởi vậy mà các phát ngôn của nhóm yêu cầu, thường ít khi là những biến thể tinh lược. So sánh:

Ví dụ 25:

- a. Đồng bào chú ý!
- b. Chú ý!

Phát ngôn 25a là lời yêu cầu nên tính gay gắt, thúc giục người nghe “đồng bào” thực hiện hành động “chú ý” không lập tức, hay cụ thể là lực tác động yếu. Còn 25b là biến thể tinh lược và mang hình thức của một phát ngôn mệnh lệnh nhằm tác động trực tiếp, thể hiện một thái độ mạnh tới người tiếp nhận.

Thái độ gay gắt, khẩn cấp cùng với thái độ thiếu tôn trọng, thái độ thân mật hợp thành những chức năng biểu thái nhằm thông qua/ kèm theo những biến thể tinh lược truyền đạt những nội dung ngoài sự tình hiển ngôn tới người tiếp nhận. Đây là một bình diện chức năng rất tinh tế của ngôn ngữ, được người bản ngữ uyển chuyển thực hành trong những cuộc giao tiếp thường nhật.

3. Kết luận

Tóm lại, từ góc nhìn chức năng, những phân loại dựa vào hình thức của các nhà Việt ngữ học đi trước về hiện tượng tinh lược có thể được xem xét một cách kỹ lưỡng và toàn diện hơn. Biến thể tinh lược là những phát ngôn loại bỏ đi những thông tin dư thừa để chỉ tập trung biểu thị những nội dung chưa biết, nhấn mạnh những nội dung cần thiết, đáp ứng nhu cầu muốn truyền đạt của người nói và muốn biết thêm của người nghe. Cùng với tác dụng tiết kiệm để định hướng tập trung vào tiêu điểm thông tin, các biến thể tinh lược trong tiếng Việt còn được sử dụng nhằm duy trì mạch lạc của toàn chuỗi phát ngôn,

toàn đoạn hội thoại như một phương tiện kết nối nội dung của các phát ngôn liên kế. Và đặc biệt, qua những hình thức tỉnh lược, người nói có thể truyền đạt thái độ đánh giá của mình, từ coi thường cho đến thân mật, cả gay gắt hợp cùng gấp gáp vào những phát ngôn biến thể.

Dựa vào những nội dung chức năng, bài viết đã phân tích để chứng minh rằng các chức năng cụ thể chính là động lực để hình thành nên những phát ngôn biến thể tỉnh lược. Do chức năng và vì chức năng mà các phát ngôn với những biểu hiện hình thức không hoàn toàn đầy đủ thành phần cú pháp vẫn có thể tồn tại trong tiếng Việt, thậm chí xuất hiện với tần suất rất cao ở các hội thoại khẩu ngữ.

Qua đây, có thể mở rộng cách hiểu về tỉnh lược, một hiện tượng ngôn ngữ không hẳn chỉ đơn thuần là loại bỏ những nội dung không tiết kiệm ở phát ngôn mà còn nhằm nhấn mạnh những thông tin quan trọng hiện hữu, hướng tới nối kết chặt chẽ hơn với các phát ngôn xung quanh, và đặc biệt để thể hiện những sắc thái biểu cảm của người nói. Dĩ nhiên, cần lưu ý rằng không có sự tương ứng từng chức năng với từng biểu hiện hình thức ở các phát ngôn biến thể tỉnh lược. Cùng một biểu hiện hình thức có thể có nhiều chức năng cùng đan cài tác động. Tuy nhiên, để rõ ràng và mạch lạc, bài viết phân tách ba chức năng riêng lẻ như những góc nhìn siêu hình từng mặt để thuận tiện cho việc phân tích. Nghiên cứu về sự tích hợp của các chức năng trong cùng một hình thức biểu hiện, xem xét mức độ ảnh hưởng của

từng chức năng là công việc của những công trình kế tiếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (1998, in lần 6-2009), *Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
2. Lê Đông – Hùng Việt (1995), “Nhấn mạnh như một hiện tượng ngữ dụng và đặc trưng ngữ nghĩa – ngữ dụng của một số trợ từ nhấn mạnh trong tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ* (2), tr.11-17.
3. Cao Xuân Hạo (1991, in lần 4-2006), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Hoàng Trọng, Phiến (1980, in lần 2-2008), *Ngữ pháp tiếng Việt – Câu*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. Nguyễn Kim Thân (1963, in lần 2-1997), *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
6. Trần Ngọc Thêm (1985, in lần 4-2006), *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
7. Nguyễn Minh Thuyết – Nguyễn Văn Hiệp (1998, in lần 2 – 2004), *Thành phần câu tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
8. Phạm Văn Tình (2002), *Phép tỉnh lược và ngữ trực thuộc tỉnh lược trong tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Halliday, M.A.K & Hasan, R. (1976), *Cohesion in English*, Longman, London.
10. Lambrecht, Knud (1994) – Nguyễn Hồng Cồn và Hoàng Việt Hằng dịch (2015), *Cấu trúc thông tin và hình thức câu: Chủ đề, Tiêu điểm và các biểu hiện tinh thần của sở chỉ diễn ngôn*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
11. Lưu Nhuận Thanh (1998) – Đào Hà Ninh dịch (2004), *Các trường phái ngôn ngữ học phương Tây*, Nxb. Lao động, Hà Nội.